

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1297/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 310/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tố N, sinh năm 1993

Địa chỉ hộ khẩu: ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Vũ Phong T, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(bà N có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên

đơn bà Phan Thị Tố N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian quen biết và tìm hiểu, giữa bà và ông Vũ Phong T phát sinh tình cảm và quyết định tiến tới hôn nhân. Ông bà đã được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 04/10/2011, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp nhau về quan điểm sống và tính cách dẫn đến thường xuyên bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình căng thẳng, không có hạnh phúc. Nhiều lần ông bà tìm cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay, vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Vũ Phong T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Huỳnh Anh T, sinh ngày 26/11/2011 hiện đang sinh sống cùng ông T; cháu Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 13/3/2017 hiện đang sinh sống cùng bà N. Các con chung hiện đang được chăm sóc tốt. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu Tòa án giao cháu Vũ Huỳnh Anh T cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Vũ Thị Ngọc L cho bà N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2024 và Biên bản làm việc ngày 19/6/2024, bị đơn ông Vũ Phong T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng, ông xác định vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới ở nhà thờ và được Ủy ban nhân dân phường H cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống với bà N thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do ông phát hiện bà N nhắn tin với người đàn ông khác nên ông không kiềm chế được cơn giận đã đánh bà N. Sau đó bà N xin về quê ăn tết và ở lại đó đến nay không về. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không còn liên lạc với nhau. Mẹ của ông là bà Vũ Thị L có gọi điện cho bà N để về hòa giải nhưng bà N kiên quyết không về. Nay bà N xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông theo Đạo Thiên Chúa không được phép ly hôn, hơn nữa ông muốn bà N về chăm sóc con cho ông đi làm, ông không muốn các con phải chịu khổ, gia đình lý tán.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 02 con chung đúng như bà N trình bày. Cháu T hiện đang ở với ông còn cháu L hiện đang ở với bà N. Trường hợp bà N kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý để bà N nuôi dưỡng cháu L nhưng ông đề nghị

cho ông được đi lại thăm nom cháu L, bà N và gia đình bà N không được ngăn cản, còn ông sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình làm việc bị đơn có lời khai trình bày ý kiến nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có đơn đề nghị vắng mặt nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Tố N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Phan Thị Tố N yêu cầu ly hôn ông Vũ Phong T, ông T là bị đơn cư trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Tố N và ông Vũ Phong T kết hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 258/2011 ngày 04/10/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà N xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của bà N: Bà N xin ly hôn với ông T với lý do quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp nhau về quan điểm sống và tính cách dẫn đến thường xuyên bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình căng thẳng, không có hạnh phúc. Quá trình làm việc tại Tòa án, ông T cũng thừa nhận quá trình chung sống với bà N thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông phát hiện bà N nhắn tin cho người đàn ông khác nên ông không kìm chế được cơn giận đã đánh bà N, vợ chồng đã ly thân từ tết năm 2022 đến nay, không liên hệ được với nhau để hòa giải.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông T là có thật, được bị đơn thừa nhận, đã kéo dài từ khoảng cuối năm 2021 đến nay và đã rất trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Thời gian vợ chồng ly thân khá dài và các đương sự không gặp nhau để hòa giải. Tại Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bà N cho biết, bà cũng đã nhiều lần liên hệ với ông T để hoà giải với nhau nhưng ông T không hợp tác, lại còn thách thức bà và cho rằng nếu không có ông thì bà không thể ly hôn được nên bà xác định không còn tình cảm gì với ông T. Bà N kiên quyết xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không phải vì ông còn yêu thương bà N mà vì ông là người theo Đạo Thiên Chúa và ông muốn bà N về chăm sóc con, ông không muốn gia đình ly tán. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà N, ông T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông T để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Huỳnh Anh T, sinh ngày 26/11/2011 và cháu Vũ Thị Ngọc L, sinh ngày 13/3/2017. Ly hôn, bà N yêu cầu Tòa án giao cháu Vũ Huỳnh Anh T cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Vũ Thị Ngọc L cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp bà N kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý để bà N nuôi dưỡng cháu L nhưng ông đề nghị cho ông được đi lại thăm nom cháu L, bà N và gia đình bà không được ngăn cản, còn ông sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Lời khai của cháu Vũ Huỳnh Anh T thể hiện: cháu đang ở với ba và ông bà nội, được chăm sóc tốt. Nếu ba mẹ ly hôn thì cháu muốn tiếp tục ở với ba. Lời khai của cháu Vũ Thị Ngọc L thể hiện: Cháu đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại, nếu ba mẹ ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ.

Xét thấy, cháu Vũ Huỳnh Anh T hiện đang sinh sống cùng ông T, học tại Trường THCS H tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cháu Vũ Thị Ngọc L

hiện đang sinh sống cùng bà N tại thành phố C, tỉnh Cà Mau, cháu chưa đi học do bị bệnh về đường tiêu hóa, sức khỏe chưa ổn định (có xác nhận của Công an xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau nơi cháu đang sinh sống). Các cháu đều đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Để đảm bảo sự phát triển ổn định, toàn diện của các con chung và theo nguyện vọng của bà N, ông T và các con chung, cần tiếp tục giao cháu T cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu L cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều thống nhất không ai cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] **Về tài sản chung:** các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.5] **Về nợ chung:** các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.6] **Về án phí:** Bà Phan Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Tố N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn ông Vũ Phong T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Tố N, sinh năm 1993 được ly hôn ông Vũ Phong T, sinh năm 1988

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Huỳnh Anh T, sinh ngày 26/11/2011 cho ông Vũ Phong T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động; giao cháu Vũ Thị Ngọc L,

sinh ngày 13/3/2017 cho bà Phan Thị Tố N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà N, ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0003769 ngày 15/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Tố N, ông Vũ Phong T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám